**MA TRẬN ĐỀ THI**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **2** | **1** | **2** | **1** | **0** | **2** | **0** | **0** | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **2\*** | **50** |
| **Tổng** | | | **20** | **10** | **20** | **10** | **0** | **20** | **0** | **20** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **20%** | | **20%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI**

| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  **Vận dụng:**  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. | 2TN  1TL | 2TN  1TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **2TN**  **1TL** | **2TN**  **1TL** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **30%** | **30%** | **20%** | **20%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..** | **ĐỀ THI Năm học: 20…. – 20….**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 8**  **(Thời gian làm bài: 90 phút)** |
| --- | --- |

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

(1) Chúng ta ai cũng khao khát thành công. Tuy nhiên, mỗi người định nghĩa thành công theo cách riêng. Có người gắn thành công với sự giàu có về tiền bạc, quyền lực, tài cao học rộng; có người lại cho rằng có một gia đình êm ấm, con cái nên người là thành công, v.v. Chung quy lại, có thể nói thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.

(2) Nhưng nếu suy ngẫm kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng thật ra, câu hỏi quan trọng không phải là “thành công là gì?” mà là “thành công để làm gì”? Tại sao chúng ta khát khao thành công? Suy cho cùng, điều chúng ta muốn không phải bản thân thành công mà là cảm giác mãn nguyện và dễ chịu mà thành công đem lại, khi chúng ta đạt được mục tiêu của mình. Chúng ta nghĩ rằng đó chính là hạnh phúc. Nói cách khác, đích cuối cùng mà chúng ta nhắm tới thật ra là hạnh phúc, còn thành công chỉ là phương tiện. Quan niệm cho rằng thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng. Bạn hãy để hạnh phúc trở thành nền tảng cuộc sống, là khởi nguồn giúp bạn thành công hơn chứ không phải điều ngược lại! Đó chính là “bí quyết” để bạn có một cuộc sống thực sự thành công.

*(Theo: songhanhphuc.net)*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Nghị luận

D. Biểu cảm

**Câu 2**. Theo văn bản, thành công là gì?

A. Thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.

B. Thành công là sự giàu có về tiền bạc, quyền lực, tài cao học rộng.

C. Thành công là có một gia đình êm ấm, con cái nên người.

D. Thành công là được làm những gì mình muốn.

**Câu 3**. Đoạn (2) được triển khai theo kiểu đoạn văn nào?

A. Diễn dịch

B. Quy nạp

C. Song song

D. Kết hợp

**Câu 4**. Nội dung chính của đoạn (2) là gì?

A. Mục đích của sự thành công

B. Bí quyết để có một cuộc sống thành công

C. Vai trò của thành công

D. Giải thích thành công là gì

**Câu 5 (0,5 điểm)** Theo tác giả, điều nào quan trọng hơn: thành công là gì hay thành công để làm gì?

**Câu 6 (0,5 điểm)** Phép liên kết nào được sử dụng trong đoạn (1), nêu tác dụng.

**Câu 7 (1,0 điểm)** Theo em, vì sao tác giả cho rằng: quan niệm thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng?

**Câu 8 (1,0 điểm)** Em có đồng tình với quan niệm *Hạnh phúc là nền tảng cuộc sống, là khởi nguồn giúp bạn thành công hơn chứ không phải điều ngược lại* không? Vì sao?

**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | C. Nghị luận | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | A. Thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình. | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | B. Quy nạp | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | B. Bí quyết để có một cuộc sống thành công | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | Theo tác giả, thành công để làm gì quan trọng hơn. | 0,5 điểm |
| **Câu 6** | - Phép liên kết:  + Phép nối: Tuy nhiên  + Phép lặp: Thành công  - Tác dụng:  + Làm tăng sức biểu đạt cho đoạn văn.  + Giúp người đọc hiểu được định nghĩa của sự thành công. | 0,5 điểm |
| **Câu 7** | Tác giả cho rằng: quan niệm thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, là ảo tưởng vì: Trên thực tế, có nhiều người thành công nhưng không hạnh phúc. | 1,0 điểm |
| **Câu 8** | HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau:  - Nêu rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình; lí giải hợp lí, thuyết phục.  Gợi ý:  + Hạnh phúc là động lực thúc đẩy ta hành động tích cực  + Hạnh phúc là mục tiêu để ta phấn đấu | 1,0 điểm |

**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học**  Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. | 0,25 điểm |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:** Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe. | 0,25 điểm |
|  | **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:**  **1. Mở bài**  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ.  **2. Thân bài**  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…);…).  **3. Kết bài**  Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. | 4,0 điểm |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp:** Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 điểm |
|  | **e. Sáng tạo:** Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,25 điểm |
|  | **Lưu ý:** Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. |  |